

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẦN ĐƯỚC
DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BỔ SUNG NĂM 2022
(đính kèm quyết định số _____/QĐ-SYT ngày _____/9/2022 của Sở Y tế)

CHƯƠNG I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

TT	STT theo CK	Mã số TT 43	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
				Trung ương	Tỉnh /TP	Quận/Huyện	Phường /Xã
			A. TUẦN HOÀN				
1	1	1.18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
2	2	1.19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	x	x	x	
			B. HÔ HẤP				
3	3	1.52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
4	4	1.63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)	x	x	x	
5	5	1.68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x	
6	6	1.81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x
7	7	1.82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV _i (một lần)	x	x	x	x
8	8	1.144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
			D. TIÊU HÓA				
9	9	1.219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	x
			E. TOÀN THÂN				
10	10	1.230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x	
11	11	1.231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	x	x	x	
12	12	1.232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	x	x	x	
			G. XÉT NGHIỆM				
13	13	1.297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	

CHƯƠNG II. NỘI KHOA

STT	TT THEO CK	Mã số tt 43	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
				Trung ương	Tỉnh /TP	Quận/ Huyện	Phường /Xã
			A. HÔ HẤP				
14	1	2.12	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
			B. TIM MẠCH				
15	2	2.97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
16	3	2.119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	

CHƯƠNG III. NHI KHOA

TT	TT theo CK	Mã số TT 43	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
				Trung ương	Tỉnh /TP	Quận/ Huyện	Phường/ Xã
			I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
			A. TUẦN HOÀN				
17	1	3.30	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
18	2	3.31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
19	3	3.33	Đặt catheter động mạch	x	x	x	
20	4	3.35	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
			D. THẦN KINH				
21	5	3.151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	x	x	x	
			E. TOÀN THÂN				
22	6	3.205	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	x
23	7	3.206	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x
			G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
24	8	3.221	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
			XIX. NGOẠI KHOA				

			E. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
			10. Nắn - bó bột				
25	9	3.3839	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x	
26	10	3.3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x	x	
27	11	3.3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x	
28	12	3.3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x	
29	13	3.3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x	
30	14	3.3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
31	15	3.3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x	
32	16	3.3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x	
33	17	3.3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x	x	
34	18	3.3848	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ 1V	x	x	x	
35	19	3.3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	x	x	x	
36	20	3.3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x	
37	21	3.3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	x	x	x	
38	22	3.3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x	
39	23	3.3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x	
40	24	3.3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x	
41	25	3.3855	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x	x	
42	26	3.3856	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x	x	
43	27	3.3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x	
44	28	3.3858	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x	x	
45	29	3.3859	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	x	x	x	
46	30	3.3862	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x	x	
47	31	3.3863	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x	x	
48	32	3.3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x	
49	33	3.3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x	

50	34	3.3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x	
51	35	3.3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x	x	
52	36	3.3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x	x	
53	37	3.3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x	
54	38	3.3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x	
55	39	3.3871	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x	x	
56	40	3.3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x	
57	41	3.3873	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x	x	x
58	42	3.3874	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x	x	x
59	43	3.3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	x

CHƯƠNG VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN

TT	STT theo ck	Mã số TT 43	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
				Trung ương	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã
			E. ĐIỆN CHÂM				
60	1	8.295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x

CHƯƠNG X. NGOẠI KHOA

TT	STT theo CK	Mã số TT 43	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
				TW	Tỉnh	Quận/Huyện	Phường/Xã
			D. TIÊU HÓA				
			7. Tầng sinh môn				
61	1	10.565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
			G. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
			12. Vùng cổ tay - bàn tay				
62	2	10.860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
63	3	10.862	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x	
			16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
64	4	10.954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	

			17. Nắn - Bó bột				
65	5	10.995	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x		
66	6	10.996	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x		
67	7	10.997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x		
68	8	10.998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x		
69	9	10.999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x		
70	10	10.1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x		
71	11	10.1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x		
72	12	10.1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x		
73	13	10.1003	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x		
74	14	10.1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay	x	x		
75	15	10.1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	x	x		
76	16	10.1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	x	x		
77	17	10.1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x		
78	18	10.1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	x	x		
79	19	10.1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x		
80	20	10.1010	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x		
81	21	10.1011	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x		
82	22	10.1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x		
83	23	10.1013	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x		
84	24	10.1014	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	x	x		
85	25	10.1015	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	x	x		
86	26	10.1016	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x		
87	27	10.1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x		
88	28	10.1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x		
89	29	10.1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x		
90	30	10.1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x		
91	31	10.1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x		
92	32	10.1022	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x		
93	33	10.1023	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x		

94	34	10.1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x		
95	35	10.1025	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	x	x		
96	36	10.1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x		
97	37	10.1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x		
98	38	10.1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x		
99	39	10.1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x		
100	40	10.1030	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x		
101	41	10.1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x		

CHƯƠNG XII. UNG BƯỚU

TT	STT theo CK	Mã số	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
				Trung ương	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã
			L. PHẦN MỀM - XƯƠNG - KHỚP				
102	1	12.320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	